

Bản án số: 86/2017/HSST

Ngày: 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Như Nguyệt
2. Ông Trần Công Quan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ
Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Doãn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 đưa ra xét xử sơ thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tấn P1; giới tính: nam; sinh năm: 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; thường trú: X95/72/6 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H; tạm trú: X95/2 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Bùi Tấn P và bà Lê Thị Tuyết N; tiền sự: không có; tiền án: không có; nhân thân: ngày 11/4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 40/2017/HSST); bị bắt tạm giam từ ngày: 10/8/2016;
(Có mặt).

2. Lê Tấn P2; giới tính: nam; sinh năm: 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú tại: X95/72/6 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: không rõ và bà Lê Thị Tuyết N; tiền sự: không có; tiền án: không có; nhân thân: ngày 11/4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 40/2017/HSST); bị bắt tạm giam từ ngày: 05/8/2016 tại Công an Quận 6;
(Có mặt).

3. Võ Thanh H; giới tính: nam; sinh ngày: 19/02/1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú tại: X95/58/19/13 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Phạm Kim H và bà Võ Thị Tuyết N; tiền án: không có;

Tiền sự:

+ Ngày 16/10/2015, bị Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số: 0037335/QĐ-XPHC);

+ Ngày 26/02/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 37/QĐ-UBND);

Nhân thân:

+ Ngày 03/4/2015, Công an Phường 12, Quận 6 xử phạt hành chính 325.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 26/4/2015, Công an Phường 12, Quận 6 xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 20/5/2015 đến 20/7/2015 cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2;

+ Ngày 10/9/2015, Công an Phường 12, Quận 6 xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 24/9/2015, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ;

+ Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 54/2017/HSST);

+ Ngày 11/4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 40/2017/HSST);

Bị bắt tạm giam từ ngày: 09/7/2016 tại Công an Quận 6;

(Có mặt).

4. Trần Bá G; giới tính: nam; sinh ngày: 06/6/1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú tại: X95/72 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Trần Bá P và bà Nguyễn Thị Kim L; tiền sự: không có; tiền án: không có; nhân thân: ngày 11/4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 40/2017/HSST); bị bắt tạm giam từ ngày: 05/8/2016;

(Có mặt).

5. Ngô Nguyễn Khang D; giới tính: nam; sinh ngày: 27/3/1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú tại: X/3 đường P, Phường MM, Quận N, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: không rõ và bà Ngô Thị Phi N; tiền sự: không có; tiền án: không có; bị bắt tạm giam từ ngày: 24/8/2016;

(Có mặt).

6. Nguyễn Hoàng N; giới tính: nam; sinh ngày: 17/7/1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú tại: số 7 đường P, phường B, quận B, Thành phố H; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Ngọc O; tiền sự: không có; tiền án: không có; nhân thân: ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 54/2017/HSST); bị bắt tạm giam từ ngày: 29/7/2016;

(Có mặt).

Người bị hại:

1. Ông Bùi Thành Đ, sinh năm: 1961;
Nơi cư trú: XY đường số 3, Cư xá L, Phường ML, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
2. Bà Trần Thị Diễm X, sinh năm: 1973;
Nơi cư trú: XY đường số 3, Cư xá L, Phường ML, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975;
Nơi cư trú: X97/32 đường H, Phường H, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
4. Bà Hà Thị Ngọc T, sinh năm: 1976;
Nơi cư trú: X97/32 đường H, Phường H, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm: 1976;
Nơi cư trú: X80/38 đường L, Phường M, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
6. Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1987;
Nơi cư trú: X80/38 đường L, Phường M, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).
7. Bà Dương Mục L, sinh năm: 1982;
Nơi cư trú: X10/62M đường T, Phường MH, Quận M, Thành phố H;
(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm: 1973;
Nơi cư trú: X95/72/6 đường H, Phường MH, Quận S, Thành phố H;
(Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2:

Ông Nguyễn Văn G - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 17 đường B, Phường M, quận T, Thành phố H;
(Có mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Võ Thanh H, Trần Bá G, Ngô Nguyễn Khang D và Nguyễn Hoàng N bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Liên tiếp trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến đầu tháng 7 năm 2016, trên địa bàn Quận 11 xảy ra nhiều vụ nhà dân bị cắt khóa cửa, lấy mất tài sản. Qua điều tra, truy xét, cơ quan công an xác định được các bị cáo đã thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản:

Vụ thứ 1: vào khoảng 18 giờ ngày 28/5/2016, H rủ P1, G và D cùng đi chiếm đoạt tài sản. P1 điều khiển xe chở H, G điều khiển xe chở D. Khi đến trước nhà số XY đường số 3, Cư xá L, Phường ML, Quận M thì H thấy nhà này khóa cửa ngoài, P1 và G dừng xe cảnh giới, H xuống xe dùng kiềm cộng lực cắt khoen khóa cửa hàng rào rồi vào trong tiếp tục cắt khoen khóa cửa nhà, mở cửa. D vào nhà đẩy xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead biển số 59M1-819.81 ra ngoài nổ máy chạy đi, H lấy 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính bảng hiệu Asus ra xe P1 chở đi. Sau đó, H đem xe Honda Lead biển số 59M1-819.81 bán cho tên T (chưa xác định được lai lịch) được 2.000.000 đồng, máy tính bảng và máy tính xách tay H, G, P1 và D đem bán cho Nguyễn Văn X - địa chỉ: Y63 đường 3 tháng 2, Phường 16, Quận 11 - được số tiền: 2.000.000 đồng. H chia cho P 1.000.000 đồng, G 500.000 đồng, D 500.000 đồng, số tiền còn lại H cất giữ tiêu xài.

Theo kết luận định giá tài sản thì: máy tính xách tay hiệu Acer trị giá 6.000.000 đồng, máy tính bảng Asus trị giá 1.500.000 đồng, xe Honda Lead biển số 59M1-819.81 trị giá 12.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: vào khoảng 21 giờ ngày 15/6/2016, H rủ cả nhóm đi chiếm đoạt tài sản. P1 điều khiển xe chở H, P2 điều khiển xe G, D đi xe một mình. Khi đến trước số: X97/32 đường H, Phường H, Quận M, H phát hiện nhà này khóa cửa ngoài, H kêu cả nhóm dừng xe đứng ở ngoài đường cảnh giới. H xuống xe đi bộ đến dùng kiềm cộng lực cắt bát khóa cửa nhà sau đó đi vào nhà lục tìm tài sản lấy được 100 đô la Mỹ, 200 đô la Úc và 02 sổ hộ khẩu, 02 giấy chứng minh nhân dân; G thì vào nhà lấy được xe mô tô hai bánh Honda SHi150 biển số: 51M5-5829 chạy đi. Sau đó, cả nhóm đem xe Honda SHi150 biển số 51M5-5829 bán cho người thanh niên tên T (chưa xác định được lai lịch) số tiền 9.000.000 đồng. H đứng ra chia tiền cho mỗi người 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 1.500.000 đồng H mua ma túy cả nhóm sử dụng chung; H chia 200 đô la Úc cho P1, 100 đô la Mỹ cho D, P2 và G; còn

giấy tờ thì H vứt bỏ ở đâu không nhớ.

Theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe Honda SH150 biển số 51M5-5829 trị giá 80.000.000 đồng. 100 đô la Mỹ theo tỷ giá ngày 15/6/2016 tương đương 2.887.000 đồng, 200 đô la Úc theo tỷ giá ngày 15/6/2016 tương đương 3.254.712 đồng.

Vụ thứ 3:

- Vào khoảng 23 giờ ngày 21/6/2016, H, P1 rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản, P1 lấy xe chở H chạy đến trước nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M. H thấy nhà khóa cửa bên ngoài nên kêu dừng xe, P1 đứng ngoài cánh giới còn H dùng kiềm cộng lực, thanh sắt đem theo cắt khoen khóa cửa hàng rào, phá ổ khóa phía trên rồi đưa ổ khóa này cho P1 móc trái cửa nhà kế bên nhằm không cho nhà bên mở được cửa, H mở cửa nhà vào lục tìm tài sản. P1 đứng ngoài cánh giới phát hiện có người đang đi đến và nói cho H biết rồi cả hai bỏ đi. Khoảng 15 phút sau, cả hai quay lại, H mở cửa vào nhà lấy xe Honda Vision biển số: 59H1-591.95 dẫn ra ngoài rồi đóng cửa lại và chạy xe này đến bãi giữ xe Cây Đa Sà thuộc Phường 14, Quận 6 gửi.

- Sau đó, P1 và H gặp P2 và G trên đường Hồng Bàng Quận 6 nên rủ quay lại nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M để chiếm đoạt tài sản thì P2 và G đồng ý. Đến nơi, P2 và P1 ở ngoài cánh giới, H và G vào lấy tài sản. H vào nhà lấy một máy tính xách tay để ở ghế salon và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead biển số 50N1- 000.47 chạy đi; còn G thì lục tìm tài sản nhưng không lấy được gì, sau đó đi về cùng P2, P1. Sau khi về nhà, P1 nhận được điện thoại của H báo cho biết xe Honda Lead biển số 50N1-000.47 vừa lấy được đã bị tên Lê Phát L (tự Tí B) chiếm đoạt. P1 liền lấy xe chở P2 đi tìm L nhưng không gặp, nên P2 và P1 quay về lại nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M để lục tìm tài sản lấy tiếp. P2 ở ngoài cánh giới, P1 vào nhà đi lên lầu lục tìm tài sản. P1 mở tủ đựng quần áo kéo hộc tủ ngăn dưới phát hiện tiền, bông tai, nhẫn đeo tay, dây chuyền nên lấy toàn bộ tài sản trên; khi quay xuống, P1 lấy tiếp một máy tính xách tay để ở kệ tivi rồi ra ngoài lên xe P2 chở đi. Về nhà, cả hai chia nhau số tiền mặt, mỗi người được 15.000.000 đồng. Còn số nữ trang, P1 đưa P2 đem bán cho tiệm vàng của anh Lê Văn C - địa chỉ: B33 tỉnh lộ 10, phường A, quận B được số tiền 30.600.000 đồng; máy tính xách tay P2 đem bán cho anh Nguyễn Văn X - địa chỉ: Y63 đường 3 tháng 2, Phường 16, Quận 11 được số tiền 1.000.000 đồng. P2 về chia cho bị can P1 số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe Honda Vison biển số 59H1-591.95 và máy tính xách tay, H đem bán cho tên T (không xác định được lai lịch) được 3.000.000 đồng, H về chia cho P1 số tiền 1.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản, thì trị giá của các tài sản như sau: xe Honda Lead biển số 50N1-000.47 là 30.000.000 đồng, xe Honda Vison biển số 59H1-591.95 là 30.000.000 đồng, sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ có mặt dây chuyền hình ngôi sao trị giá là 9.600.000 đồng, một cặp nhẫn cưới vàng 24K

trọng lượng mỗi nhẫn 03 chỉ có đính đá màu trắng là 19.200.000 đồng, máy tính xách tay hiệu Dell là 4.750.000 đồng, máy tính xách tay hiệu Sony Vaio là 5.750.000 đồng, đôi bông tai cân hột xoàn màu xanh tím trọng lượng 5,4 ly là 100.000.0000 đồng.

Vụ thứ 4: vào lúc 03 giờ 00 ngày 02/7/2016, P1 điều khiển xe chở N, P2 điều khiển xe chở H; khi đi ngang nhà số Y đường Dương Đình N, Phường 8, Quận 11, H thấy nhà này khóa cửa ngoài. Tất cả dừng xe đứng ngoài cánh giới để cho H xuống đi bộ vào dùng kiếm cộng lực cắt khoen khóa, sau đó vào nhà lục tìm tài sản và lấy được một máy tính xách tay đem ra ngoài cùng đồng bọn tẩu thoát. H, N, P1 và P2 đem máy tính xách tay bán cho anh Nguyễn Văn X - địa chỉ: Y63 đường 3 tháng 2, Phường 16, Quận 11 được 2.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 500.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản, thì máy tính xách tay hiệu Asus màu đen trị giá 2.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Võ Thanh H, Trần Bá G, Ngô Nguyễn Khang D và Nguyễn Hoàng N về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tại cơ quan điều tra:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Ông Bùi Thành Đ - chủ nhà số XY đường số 3, Cư xá L, Phường ML, Quận M - khai nhận bị mất các tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead biển số 59M1-819.81, 01 máy tính bảng và 01 máy tính xách tay. Ông Đ và vợ - bà Trần Thị Diễm X - yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Ông Nguyễn Văn T - chủ nhà số X97/32 đường H, Phường H, Quận M - khai nhận bị mất các tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda SH150 biển số 51M5-5829, 100 đô la Mỹ, 200 đô la Úc và một số giấy tờ. Ông T và vợ - bà Hà Thị Ngọc T - yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt bồi thường thiệt hại theo quy định, cáo các giấy tờ thì ông bà đã làm thủ tục cấp lại.

- Ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T - chủ nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M - khai nhận tài sản bị mất gồm: 213.000.000 đồng tiền mặt, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vision biển số 59H1-591.95, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead biển số 50N1-000.74, 02 máy tính xách tay (01 hiệu Sony Vaio, 01 hiệu Dell), 01 hộ chiếu và một số nữ trang (01 đôi bông tai đính hột xoàn 5,4 ly, 01 sợi dây chuyền, 02 nhẫn cưới) mua vào năm 2015 với giá 186.000.000 đồng. Các hóa đơn, chứng từ mua nữ trang để chung với nữ trang và bị chiếm đoạt luôn; còn số tiền mặt thì ông Đ khai là tiền vốn để buôn bán. Ông Đ, bà T yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản bồi thường lại trị giá các tài sản theo kết luận định giá.

- Bà Dương Mục L, nhân viên của Đại lý bán vé máy bay - địa chỉ Y đường

Dương Đình N, Phường 8, Quận 11 - khai nhận tài sản của bà bị mất vào khuya ngày 02/7/2016 là 02 máy tính xách tay (01 hiệu Asus, 01 hiệu Getway). Tuy nhiên do mua đã lâu, nên chỉ còn giữ được bản photo của hóa đơn mua máy hiệu Asus; đồng thời, yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản bồi thường lại trị giá hai máy tính xách tay theo kết luận định giá.

- Lê Phát L (tức Tí B) - sinh năm: 1991; thường trú: X95/25/2F đường H, Phường MH, Quận S - khai nhận, vào khuya ngày 22/6/2016, khi phát hiện H điều khiển xe Honda Lead một mình trên kênh Lò Gốm thuộc địa bàn Quận 6, L đuổi theo định hỏi việc riêng. Sau khi bỏ chạy một đoạn, H bỏ xe lại chạy bộ vào hẻm, L tiếp tục đuổi theo nhưng không kịp, khi quay trở ra L không thấy xe ở đây nữa nên bỏ đi. Ngoài lời khai của H ra thì không còn lời khai nào khác, do vậy không có cơ sở để làm rõ; sự việc trên diễn ra tại địa bàn Quận 6, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã có công văn thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ theo thẩm quyền.

- Bà Lê Thị Tuyết N - mẹ của các bị cáo P2, P1 - khai nhận có lần được bị cáo P1 cho số tiền 10.000.000 đồng, nhưng bà không biết là tiền do phạm tội mà có và đã tiêu xài hết. Còn số tiền 5.600.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nhà là tiền của bà dùng vào việc tiêu xài trong gia đình hàng ngày; còn các điện thoại là bà nhận cầm cô của một số thanh niên chơi điện tử, bà không biết tên và địa chỉ nhà số thanh niên trên ở đâu.

Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã làm rõ việc anh Lê Văn C và anh Nguyễn Văn X mua các tài sản từ các bị cáo. Xác định, anh C và anh X không biết số tài sản trên do các bị cáo phạm tội mà có và các tài sản này anh C, anh X đã bán cho người khác. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 không thu hồi được vật chứng và không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh C và anh X.

Đối với các xe mô tô hai bánh là phương tiện gây án, các bị cáo khai xe mượn của gia đình sử dụng làm phương tiện đi chiếm đoạt tài sản. Qua điều tra, gia đình các bị cáo trình bày đã bán cho người khác sử dụng (không rõ lai lịch và không còn nhớ biển số xe). Khi bán xe mô tô trên không có làm giấy mua bán và ra công chứng, do vậy cơ quan điều tra không thu hồi được để xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 5.600.000 đồng, 7 điện thoại di động các loại thu giữ tại nhà số X95/2 đường H, Phường MH, Quận S.

- 01 kiếm cộng lực dài 38cm.

- 01 đôi dép nam, 01 nón bảo hiểm màu trắng: thu giữ được tại nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M.

Bản Cáo trạng số 14/CTr-VKS ngày 23 tháng 01 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2 tội danh “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138; truy tố các bị cáo Võ Thanh H, Trần Bá G

tội danh “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b, e khoản 2 Điều 138; truy tố bị cáo Ngô Nguyễn Khang D tội danh “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 138; truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng N tội danh “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, rút một phần quyết định truy tố, chỉ truy tố bị cáo Lê Tấn P2 theo các điểm a, e khoản 2 Điều 138; giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo còn lại, nêu lên các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo P1 từ 07 năm đến 08 năm tù, bị cáo P2 từ 04 năm đến 05 năm tù, bị cáo H từ 06 năm đến 07 năm tù, bị cáo G từ 05 năm đến 06 năm tù, bị cáo D từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho những người bị hại theo các vụ chiếm đoạt mà các bị cáo có tham gia.

Về hướng xử lý vật chứng: đề nghị trả lại cho bà Lê Thị Tuyết N 5.600.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại; tịch thu tiêu hủy: 01 kiểm cộng lực dài 38cm, 01 đôi dép nam và 01 nón bảo hiểm màu trắng.

- Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2 trình bày:

+ Thống nhất về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo trình bày trong phần luận tội.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo P2 có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, từ nhỏ đã sống với ông bà ngoại hiện đã già yếu, có 02 con còn nhỏ, vợ chưa có việc làm; bản thân bị cáo P1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo P2, P1 mức án thấp nhất để các bị cáo sớm cải tạo, trở về làm người có ích cho xã hội.

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng nêu, đồng ý bồi thường thiệt hại cho những người bị hại theo quy định và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Tuyết N - trình bày: số tiền 5.600.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại mà cơ quan điều tra thu giữ là tài sản của bà, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy, xin được nhận lại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo, người liên quan;

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Võ Thanh H, Trần Bá

G, Ngô Nguyễn Khang D và Nguyễn Hoàng N phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Các bị cáo là bạn bè quen biết trong quá trình chơi điện tử trên địa bàn Quận 6. Do không có việc làm ổn định, nên tụ tập rủ nhau cùng nhau đi tìm những nhà khóa cửa ngoài, không có người trông coi rồi cắt khoen khóa cửa, đột nhập vào nhà lấy tài sản. Bị cáo H mua kiếm cộng lực, tuốc nơ vít, đoạn dùng để bẻ khóa và là người trực tiếp cắt khoen khóa cửa, còn các bị cáo còn lại giữ vai trò cảnh giới, chiếm đoạt tài sản rồi cùng nhau bán tài sản lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trên địa bàn Quận 11, các bị cáo đã thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản sau:

Vụ thứ 1: vào khoảng 18 giờ ngày 28/5/2016, tại nhà số XY đường số 3, Cư xá L, Phường ML, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo H, P1, G và D đã chiếm đoạt được 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead biển số 59M1-819.81, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính bảng hiệu Asus. Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KLĐGTS ngày 05/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 11, thì tổng trị giá các tài sản này là 19.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: vào khoảng 21 giờ ngày 15/6/2016, tại nhà số X97/32 đường H, Phường H, Quận M, Thành phố H, các bị cáo H, P1, P2, G và D đã chiếm đoạt được 100 đô la Mỹ, 200 đô la Úc, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda SHi150 biển số 51M5-5829. Theo Kết luận định giá tài sản số 62/KLĐGTS ngày 27/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 11, thì tổng trị giá các tài sản này là 86.132.712 đồng.

Vụ thứ 3: từ khoảng 23 giờ ngày 21/6/2016 đến khuya ngày 22/6/2017, tại nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Lúc đầu, các bị cáo H, P1 chiếm đoạt được chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vision, biển số 59H1-591.95.

- Tiếp đó, các bị cáo H, P1, P2 và G chiếm đoạt được 01 máy tính xách tay hiệu Dell và chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead, biển số 50N1- 000.47.

- Sau cùng, các bị cáo P2, P1 chiếm đoạt được một số tiền mặt, một số nữ trang và 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio. Ở lần chiếm đoạt này, người bị hại khai báo bị mất số tiền mặt là 213.000.000 đồng và số nữ trang mua vào năm 2015 với giá 186.000.000 đồng. Xét thấy, ngoài lời khai của người bị hại ra, thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh số tài sản bị chiếm đoạt; người mua nữ trang thì không xác định được loại nữ trang đã mua từ các bị cáo. Do chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định tài sản và trị giá tài sản bị chiếm đoạt, nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xác định ở lần chiếm đoạt này, các bị cáo P2, P1 chỉ chiếm đoạt số tiền mặt 30.000.000 đồng, số nữ trang bán được 30.600.000 đồng và 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio như các bị cáo thừa nhận.

Ở vụ này, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt và bán được tài sản, các bị cáo không chia tiền đều nhau, mà chỉ chia cho từng người có trực tiếp tham gia. Do đó,

các bị cáo chỉ phải liên đới chịu trách nhiệm hình sự đối với các tài sản mà mình có trực tiếp tham gia chiếm đoạt.

Theo Kết luận định giá tài sản số 77/KLĐGTS ngày 22/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11, thì trị giá của xe Honda Lead biển số 50N1-000.47 là 30.000.000 đồng, trị giá của xe Honda Vison biển số 59H1-591.95 là 30.000.000 đồng, trị giá của máy tính xách tay hiệu Dell là 4.750.000 đồng, trị giá của máy tính xách tay hiệu Sony Vaio là 5.750.000 đồng.

Vụ thứ 4: vào lúc 03 giờ 00 ngày 02/7/2016, tại nhà số Y đường Dương Đình N, Phường 8, Quận 11, Thành phố H, các bị cáo H, P1, P2 và N đã chiếm đoạt được 01 máy tính xách tay hiệu Asus; theo Kết luận định giá tài sản số 84/KLĐGTS ngày 05/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11, thì tài sản này trị giá 2.000.000. Ngoài ra, người bị hại khai nhận còn mất thêm 01 máy tính xách tay hiệu Getway trị giá 2.500.000 đồng; tuy nhiên, ngoài lời khai của người bị hại ra, thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh nên không được chấp nhận.

Như vậy, qua bốn vụ chiếm đoạt tài sản nêu trên, tổng trị giá các tài sản chiếm đoạt của từng bị cáo được xác định như sau: bị cáo P2 là 189.232.712 đồng, bị cáo P1 là 238.732.712 đồng, bị cáo H là 172.382.712 đồng, bị cáo G là 140.382.712 đồng, bị cáo D là 105.632.712 đồng, bị cáo N là 2.000.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở, chủ quan về mặt an ninh của chủ sở hữu, lén lút tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như nêu trên mà các bị cáo thực hiện, đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, trước và trong khi phạm tội, các bị cáo có sự phân công và câu kết chặt chẽ; trong đó, bị cáo H là người chủ mưu, rủ rê, chuẩn bị công cụ và trực tiếp bề, phá khóa, còn các bị cáo còn lại là người thực hành, giúp sức tích cực. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định là “có tổ chức”.

Theo hướng dẫn tại tiêu mục 5.1 mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì “*chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:*

a. Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích;

b. Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính”.

Trong phạm vi truy tố, xét xử của vụ án này, các bị cáo H và G chỉ bị xác định là phạm tội bốn lần như nêu trên. Còn lần thực hiện tại nhà số X09/40E2 đường L, Phường B, Quận M vào ngày 23/5/2016, thì các bị cáo chỉ mới cắt khoen cửa nhà thì bị người dân phát hiện và các bị cáo bỏ chạy, hành vi chưa cấu thành tội phạm. Do

đó, tình tiết “có tính chất chuyên nghiệp” mà Viện kiểm sát cáo buộc đối với các bị cáo Võ Thanh H và Trần Bá G là chưa đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định bị cáo P1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138; các bị cáo H, P2, G, D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 138; bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội trong vụ án như đã phân tích.

Về tình tiết nặng nề trách nhiệm hình sự:

- Do đã cộng giá trị các tài sản bị chiếm đoạt để làm cơ sở định khung hình phạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo. Đồng thời, do đã áp dụng tình tiết “có tổ chức” là yếu tố định khung hình phạt, nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo H, P2, G, D và N.

- Bị cáo P1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là “phạm tội có tổ chức” như đã phân tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tất cả các bị cáo được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”. Đồng thời, ở lần phạm tội vào ngày 28/5/2016, bị cáo G chưa đủ 18 tuổi nên được bị cáo áp dụng thêm các Điều 69, 74 của Bộ của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về xử lý vật chứng, vật dụng thu giữ:

- 5.600.000 đồng, 07 điện thoại di động các loại thu giữ tại nhà số X95/2 đường H, Phường MH, Quận S: các tài sản này không chứng minh được liên quan đến hành phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho bà Lê Thị Tuyết N.

- 01 kiềm cộng lực dài 38cm: đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 đôi dép nam, 01 nón bảo hiểm màu trắng: đây là các vật dụng mà bị cáo H đã bỏ lại nhà số X80/38 đường L, Phường M, Quận M khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Xét thấy bị cáo từ chối nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường lại trị giá các tài sản đã được xác định trong bốn vụ chiếm đoạt nêu trên theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Cụ thể:

- Các bị cáo H, P1, G, D liên đới bồi thường cho ông Bùi Thành Đ và bà Trần Thị Diễm X số tiền 19.500.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 4.875.000 đồng.

- Các bị cáo H, P1, P2, G, D liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Ngọc T số tiền 86.141.712 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 17.228.342 đồng.

- Các bị cáo H, P1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T số tiền 30.000.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 15.000.000 đồng.

- Các bị cáo H, P1, P2, G liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T số tiền 34.750.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 8.687.500 đồng.

- Các bị cáo P1, P2 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà phạm Thị Bích T số tiền 66.350.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 33.175.000 đồng.

- Các bị cáo H, P1, P2, N liên đới bồi thường cho bà Dương Mục L số tiền 2.000.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Võ Thanh H, Trần Bá G, Ngô Nguyễn Khang D và Nguyễn Hoàng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Bùi Tấn P1;

Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo Lê Tấn P2, Võ Thanh H;

Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Bá G;

Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Ngô Nguyễn Khang D;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N;

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn P1 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Bùi Tấn P1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2016.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù theo Bản án số 54/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và hình phạt 09 (chín) năm tù theo Bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Võ Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2016.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn P2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Lê Tấn P2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2016.

Xử phạt bị cáo Trần Bá G 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù theo Bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Trần Bá G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2016.

Xử phạt bị cáo Ngô Nguyễn Khang D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù theo Bản án số 54/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2016.

Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 kiếm cộng lực dài 38cm, 01 đôi dép nam, 01 nón bảo hiểm màu trắng.

- Trả lại cho bà Lê Thị Tuyết N: 5.600.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại.

(Theo các Lệnh nhập kho vật chứng số 236/LNK và 237/LNK ngày 17/8/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc các bị cáo Võ Thanh H, Bùi Tấn P1, Trần Bá G, Ngô Nguyễn Khang D liên đới bồi thường cho ông Bùi Thành Đ và bà Trần Thị Diễm X số tiền 19.500.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 4.875.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Võ Thanh H, Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Trần Bá G, Ngô Nguyễn Khang D liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Ngọc T số tiền 86.132.712 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 17.226.542 đồng.

- Buộc các bị cáo Võ Thanh H, Bùi Tấn P1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T số tiền 30.000.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 15.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Võ Thanh H, Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Trần Bá G liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T số tiền 34.750.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 8.687.500 đồng.

- Buộc các bị cáo Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Phạm Thị Bích T số tiền 66.350.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 33.175.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Võ Thanh H, Bùi Tấn P1, Lê Tấn P2, Nguyễn Hoàng N liên đới bồi thường cho bà Dương Mục L số tiền 2.000.000 đồng; trong đó, phần của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo Bùi Tấn P1 phải chịu 3.973.202 đồng.
- Bị cáo Võ Thanh H phải chịu 2.314.452 đồng.
- Bị cáo Lê Tấn P2 phải chịu 2.979.452 đồng.
- Bị cáo Trần Bá G phải chịu 1.539.452 đồng.
- Bị cáo Ngô Nguyễn Khang D phải chịu 1.105.077 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Hoàng N phải chịu 200.000 đồng.

Áp dụng Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Công an Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Toại